

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 21/2021/KDTM-GĐT

Ngày 17 tháng 12 năm 2021

V/v tranh chấp thực hiện nghĩa vụ
hợp đồng và tuyên bố một phần hợp
đồng vô hiệu

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thành Quang - Thẩm phán cao cấp;

Các thành viên: Ông Vũ Minh Tuấn - Thẩm phán cao cấp;

Ông Nguyễn Văn Sơn - Thẩm phán cao cấp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Huy Hoàng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án kinh doanh, thương mại “Tranh thực hiện nghĩa vụ hợp đồng và tuyên bố một phần hợp đồng vô hiệu” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần L; địa chỉ: Quốc lộ A thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đàm Đức H, Phó Giám đốc Công ty (Văn bản ủy quyền ngày 01/11/2019).

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên D (nay là Tổng công ty D – Công ty cổ phần); địa chỉ: đường H, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Huy G, quyền Giám đốc Chi nhánh N (Văn bản ủy quyền ngày 06/11/2019).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty trách nhiệm hữu hạn H; địa chỉ: đường B, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. (Công ty đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Quyết định số QDTH/64171 ngày 04/7/2019 của Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh Lạng Sơn).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn D, Giám đốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là Công ty cổ phần L (do người đại diện trình bày): Công ty cổ phần L (viết tắt là

Công ty L) ký Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 01/2014/HĐ-XD với Chi nhánh N của Công ty TNHH một thành viên D là đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV D (nay là Tổng công ty D – Công ty cổ phần) để thực hiện gói thầu số 01 (hạ tầng, kè, cống và tường rào) thuộc dự án Đầu tư và khai thác bến xe phía Nam thành phố L. Sau khi ký hợp đồng, Chi nhánh N Công ty TNHH MTV D (viết tắt là Công ty D) đã tiến hành thi công các hạng mục hạ tầng kỹ thuật, kè, cống và tường rào. Ngày 09/3/2016, các bên đã lập Biên bản nghiệm thu và bàn giao đưa vào sử dụng gói thầu 01, Biên bản nghiệm thu và bàn giao gồm đại diện chủ đầu tư, đại diện tư vấn giám sát, đại diện tư vấn thiết kế, đại diện đơn vị thi công cùng ký. Ngày 16/12/2016, Công ty L và Công ty D ký Biên bản thanh lý Hợp đồng đối với Hợp đồng số 01.

Sau khi tiến hành nghiệm thu và thanh lý hợp đồng, Công ty L nhận thấy Công ty D không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình dẫn đến công trình không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo thiết kế nên các bên đã tiến hành họp và lập biên bản ngày 11/4/2017 và ngày 09/5/2017. Trong các biên bản trên, đại diện Công ty D thừa nhận sai sót của nhà thầu và cam kết sẽ khắc phục hậu quả nhưng các bên không đưa ra được giải pháp khắc phục đối với các hạng mục không đảm bảo kỹ thuật. Do đó, Công ty L khởi kiện đề nghị Tòa án buộc Công ty D phải thi công lại đối với những hạng mục thi công không đúng thiết kế, nếu không thi công lại thì đề nghị hoàn lại số tiền đã được thanh toán theo từng hạng mục (cụ thể: Hạng mục Kè là 631.839.292 đồng, Hạng mục Cống là 1.705.334.266 đồng, Hạng mục San nền là 1.885.571.025 đồng); yêu cầu Tòa án tuyên mục 17.2 của Điều 17 trong Hợp đồng số 01/2014/HĐ-XD ngày 29/9/2014 (lựa chọn Tòa án giải quyết vụ án) vô hiệu do vi phạm quy định của pháp luật.

Bị đơn là Công ty TNHH MTV D, do người đại diện trình bày: Công ty thừa nhận việc Công ty D và Công ty L ký Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 01 đúng như nguyên đơn trình bày. Sau khi ký hợp đồng, Công ty đã tiến hành thi công các hạng mục công trình theo đúng hợp đồng. Ngày 09/3/2016, các bên đã lập Biên bản nghiệm thu và bàn giao đưa vào sử dụng gói thầu 01. Ngày 16/12/2016, Công ty L và Công ty D ký Biên bản thanh lý Hợp đồng đối với Hợp đồng số 01. Thời hạn bảo hành công trình là 12 tháng kể từ ngày ký biên bản thanh lý hợp đồng. Đến nay thời hạn bảo hành của công trình đã hết. Các văn bản do ông Vũ Huy G ký sau ngày ký biên bản thanh lý hợp đồng đều không có giá trị vì ông G không được ủy quyền sau khi đã thanh lý hợp đồng. Do đó, Công ty không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, căn cứ theo hợp đồng thì vụ án không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH H đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 23/9/2019, Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, quyết định:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần L.
- Buộc Tổng Công ty D – Công ty cổ phần phải hoàn trả lại số tiền 2.955.921.208 đồng cho Công ty cổ phần L.
- Tuyên bố vô hiệu một phần Hợp đồng số 01/2014/HĐ-XD ngày 29/9/2014 tại mục 17.2 Điều 17 của hợp đồng về thỏa thuận lựa chọn Tòa án kinh tế tại Hà Nội để giải quyết tranh chấp.

Ngoài ra bản án còn quyết định về chi phí thẩm định, án phí.

Ngày 03/10/2019, Tổng Công ty D – Công ty cổ phần có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 02/2019/KDTM-PT ngày 11/11/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, quyết định: Không chấp nhận kháng cáo của Tổng Công ty D – Công ty cổ phần, giữ nguyên Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 23/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

Ngày 19/12/2019, Tổng Công ty D – Công ty cổ phần có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định số 04/2021/KN-KDTM ngày 29/4/2021, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã kháng nghị đối với Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 02/2019/KDTM-PT ngày 11/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm nêu trên và hủy Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 23/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm lại đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên toà giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 29/9/2014, Công ty cổ phần L (sau đây viết tắt là Công ty L) và Chi nhánh N – Công ty TNHH MTV D (sau đây viết tắt là Công ty D) ký Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 01/2014/HĐ-XD (sau đây viết tắt là Hợp đồng 01) theo đó Chủ đầu tư là Công ty L giao Nhà thầu là Công ty D thực hiện việc thi công xây dựng gói thầu số 1: Hạ tầng kỹ thuật, kè, cống và tường rào thuộc Dự án đầu tư xây dựng và khai thác Bến xe phía Nam thành phố L; quá trình thi công nếu Nhà

thầu có sai sót thì phải sửa chữa sai sót hoặc thanh toán các chi phí cho Chủ đầu tư trong trường hợp Chủ đầu tư tự tiến hành khắc phục sai sót.

[2] Sau khi ký hợp đồng, Công ty D đã tiến hành thi công các hạng mục theo thỏa thuận tại hợp đồng ký kết giữa hai bên. Quá trình thi công công trình giữa các bên không phát sinh tranh chấp gì. Ngày 09/3/2016, đại diện Chủ đầu tư, đại diện tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát và đại diện Công ty D ký Biên bản nghiệm thu và bàn giao đưa vào sử dụng gói thầu số 01. Theo nội dung Biên bản nghiệm thu thì “các công việc được thi công theo đúng bản vẽ thiết kế và những thay đổi thiết kế đã được phê duyệt, công tác thi công đảm bảo đúng tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật”; “Khu bãi đỗ xe cơ bản xong; Khu tái định cư đã thi công san nền tuy nhiên còn đoạn cuối khu tái định cư giáp bờ suối do còn mặt bằng chưa giải phóng hết nên công tác nắn suối chưa được tiến hành”; “các bên tham gia đồng ý nghiệm thu hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng các hạng mục”. Ngày 03/6/2016, các hạng mục đã được nghiệm thu được đưa vào sử dụng. Ngày 16/12/2016, Công ty L và Công ty D ký Biên bản thanh lý Hợp đồng 01 theo đó nghĩa vụ thực hiện hợp đồng của Công ty D đã hoàn thành, các hạng mục được chuyển sang nghĩa vụ bảo hành 12 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng.

[3] Sau khi nhận bàn giao công trình, quá trình tiến hành thi công các hạng mục khác của dự án, Công ty L tiến hành kiểm tra, xác minh tại hiện trường về chất lượng các hạng mục do Công ty D đã thi công thì phát hiện những sai sót. Tại Biên bản cuộc họp ngày 18/7/2016, Biên bản làm việc ngày 11/11/2016, Biên bản cuộc họp ngày 11/4/2017, Biên bản họp ngày 09/5/2017 đại diện Công ty D thừa nhận những sai sót của nhà thầu trong quá trình thi công. Tại Báo cáo kết quả giám định chất lượng công trình ngày 26/6/2019 của Văn phòng tư vấn TĐTK và GDCLCT thuộc Trường Đại học T thể hiện có nhiều hạng mục chưa đạt yêu cầu kỹ thuật, chưa đúng thiết kế. Như vậy, căn cứ vào các biên bản làm việc và báo cáo kết quả chất lượng công trình có căn cứ xác định, quá trình thi công Nhà thầu có những sai sót.

[4] Theo điểm c khoản 5.5 Điều 5 của Hợp đồng 01 thì chỉ trong trường hợp sai sót, hư hỏng của Nhà thầu dẫn đến việc Chủ đầu tư bị mất toàn bộ lợi ích từ công trình hay phần lớn công trình không thể đưa vào sử dụng cho đúng mục đích thì Nhà thầu mới phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Chủ đầu tư. Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng Công ty D thi công không đúng thiết kế dẫn đến chất lượng công trình không đảm bảo, gây thiệt hại cho Công ty L nên xác định giá trị thiệt hại là tổng giá trị của các hạng mục do Công ty D thi công là 4.222.744.583 đồng, xác định lỗi của Công ty D là 70%, từ đó buộc Công ty D phải bồi thường cho Công ty L 2.955.921.208 đồng ($4.222.744.583 \times 70\%$) là không đúng. Trong vụ án này, khối lượng mà Công ty D nhận thầu với Công ty L

bao gồm nhiều hạng mục khác nhau (hạ tầng kỹ thuật, kè, mương thoát nước, cống, tường rào...). Các bên đã lập biên bản nghiệm thu từ tháng 3/2016, đưa vào sử dụng từ tháng 6/2016 và thanh lý hợp đồng vào tháng 12/2016. Theo thỏa thuận giữa các bên tại Điều 5 của Hợp đồng 01 thì Công ty D sẽ phải sửa chữa các hạng mục thi công chưa đúng, nếu Công ty D không tiến hành khắc phục thì Công ty L sẽ thực hiện hoặc thuê người thực hiện và Công ty D phải chịu toàn bộ chi phí. Do đó, để buộc Công ty D bồi thường cho Công ty L thì ngoài việc xác định lỗi, mức độ lỗi của các bên cần xác định thiệt hại, chi phí thực tế của Công ty L phải bỏ ra để khắc phục, sửa chữa những hạng mục có sai sót do Công ty D thực hiện. Tòa án chỉ có thể xác định giá trị thiệt hại là tổng giá trị các hạng mục do Công ty D thi công khi chứng minh được lỗi của Công ty D trực tiếp dẫn đến việc Công ty L mất toàn bộ lợi ích từ công trình hoặc phần lớn công trình không thể đưa vào sử dụng đúng mục đích.

[5] Mặt khác, Biên bản cuộc họp ngày 11/4/2017, đại diện Công ty D xác định: “Thiết kế ban đầu, là không có lõi thép, sau ông Phạm Duy T (Trưởng BQLDA đã yêu cầu sửa thiết kế và đưa lõi thép vào). Do đã thi công được một số, đã dùng, số còn lại đang ở trên hiện trường”... “Trong thiết kế yêu cầu bóc 20cm đất hữu cơ và đơn vị thi công đã bóc đi lớp 30cm, lượng đất hữu cơ còn lại đơn vị thi công không có trách nhiệm”. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm chưa thu thập các tài liệu, chứng cứ liên quan đến hồ sơ thiết kế ban đầu, thay đổi thiết kế; không làm rõ về việc thay đổi thiết kế, lỗi của các bên trong quá trình thiết kế và thi công. Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án cần làm rõ các hạng mục Công ty D đã hoàn thành, đưa vào sử dụng, hạng mục nào còn thiếu sót, hạng mục nào không đảm bảo chất lượng dẫn đến hậu quả của những sai sót đó. Trên cơ sở làm rõ vấn đề trên, Tòa án mới có căn cứ để tính toán thiệt hại thực tế từ công trình. Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm còn chưa thu thập tài liệu, chứng cứ về việc khắc phục sai sót của Công ty D, chi phí Công ty L phải bỏ ra để khắc phục những sai sót này (đối với những sai sót Công ty D không khắc phục), thiệt hại thực tế của Công ty L để từ đó làm căn cứ buộc Công ty D phải bồi thường. Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm chưa làm rõ các vấn đề nêu trên nhưng buộc Công ty D phải bồi thường 70% tổng giá trị hợp đồng là chưa đủ cơ sở vững chắc.

[6] Ngoài ra, đơn vị giám sát là Công ty TNHH H (sau đây viết tắt là Công ty H) có một phần lỗi do không thực hiện đúng nhiệm vụ giám sát dẫn đến việc công trình không đảm bảo chất lượng. Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm xác định Công ty H (bên thứ ba) có lỗi nhưng không giải quyết trong vụ án này là chưa toàn diện. Để giải quyết dứt điểm, toàn diện tranh chấp giữa các bên, khi xem xét lại vụ án, Tòa án cần căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và yêu cầu của Công ty L để xác định rõ lỗi, phân trách nhiệm Công ty H phải chịu. Trường

hợp Công ty L không yêu cầu Công ty H phải bồi thường phần thiệt hại do lỗi của Công ty H gây ra thì Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của các bên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337, Điều 342, khoản 3 Điều 343 và Điều 344 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

1. Hủy Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 02/2019/KDTM-PT ngày 11/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn và Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 23/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn về vụ án “Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ hợp đồng và tuyên bố một phần hợp đồng vô hiệu” giữa nguyên đơn là Công ty cổ phần L với bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên D (nay là Tổng Công ty D – Công ty cổ phần); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty trách nhiệm hữu hạn H.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDCC tại Hà Nội (để b/c);
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Cao Lộc;
- Chi cục THADS huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự theo địa chỉ;
- Lưu P.HCTP-VP, P.GĐKT II, P. Lưu trữ HS.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Chu Thành Quang